

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ – ST.

Ngày: 29/9/2023.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn S**, Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023 và **Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023** giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Mộng L**, sinh năm 1985.

*Địa chỉ:* **Tổ A, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

- *Bị đơn:* Ông **Tăng H**, sinh năm 1979.

*Địa chỉ:* **Tổ A, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **Lâm Thị Mộng L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Tăng H** vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, các biên bản làm việc nguyên đơn trình bày:*

Năm 2007 bà và ông **H** chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **C**, tỉnh **Đồng Nai**. Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng hạnh

phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H mỗi khi uống rượu vào thì gây gỗ vợ con, đánh đập, có lời lẽ xúc phạm bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung: cháu Tăng Minh T, sinh ngày 29/6/2008 và cháu Tăng Lâm Hải Y, sinh ngày 02/12/2019. Bà yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Căn cứ vào Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 85, 87, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: giao cháu Tăng Minh T, sinh ngày 29/6/2008 và cháu Tăng Lâm Hải Y, sinh ngày 02/12/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tăng H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.



[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lâm Thị Mộng L** và ông **Tăng H** tự nguyện chung sống với nhau năm 2007 và đăng ký kết hôn đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà **L** xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông **H** mỗi khi uống rượu vào thì gây gổ vợ con, đánh đập, có lời lẽ xúc phạm bà. Ông **H** đã được triệu tập họp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông **H** không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà **L**, ông **H** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **L**.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà **L** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con, ông **H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này, ngoài ra các cháu **Tăng Minh T** có nguyện vọng sống với bà **L**, các cháu còn nhỏ không nên thay đổi môi trường sống của các cháu, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà **L**.

[4] Về tài sản chung bà **L** trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung bà **L** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông **H** không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà **L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51, Điều 5, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà **Lâm Thị Mộng L**. Bà **Lâm Thị Mộng L** được ly hôn với ông **Tăng H**.

2. Về con chung: Giao cháu **Tăng Minh T**, sinh ngày 29/6/2008 và cháu **Tăng Lâm Hải Y**, sinh ngày 02/12/2019 cho bà **Lâm Thị Mộng L** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông **Tăng H** tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Tăng H** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Lâm Thị Mộng L** phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Lâm Thị Mộng L** đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000144 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà **L** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bảo Bình (GCNKH số:41/2017).
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Bảo**